

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **476** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **31** tháng **3** năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo  
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;*

*Căn cứ Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;*

*Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 271-KH/TU ngày 27/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 285/TTr-SKHCN ngày 19/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trường Đại học Phạm Văn Đồng;
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>lmc206</sub>.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Phước Hiền**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## KẾ HOẠCH

**Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo  
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số **476** /QĐ-UBND ngày **31** / **3** /2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Để triển khai thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch với những nội dung chủ yếu như sau:

### I. Mục tiêu

#### 1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; chú trọng hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội và thu nhập của Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu xây dựng, triển khai thực hiện từ 55 đến 60 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) để chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống; trong đó: có 30 mô hình thực hiện ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số; 20 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, tạo sinh kế cho người dân.

- Thông qua các chương trình, mô hình, nhiệm vụ KH&CN tổ chức đào tạo cho 350 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho nông dân để góp phần nâng cao năng lực áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế, trình độ phát triển sản xuất của các địa phương trong tỉnh.

- Thực hiện hỗ trợ từ 15-20 dự án từ chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ; đào tạo tập huấn áp dụng kỹ thuật công nghệ mới cho công nhân; hỗ trợ 25-30 lượt doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm thành tựu về khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển tài sản trí tuệ. Phân đầu trong giai đoạn 2021- 2025 có 170 đối tượng sở hữu trí tuệ được hỗ trợ đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ độc quyền.

- Tập trung xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo. Phân đầu từ nay đến năm 2025, hình thành và phát triển 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ 30 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có sản phẩm kinh doanh; thu hút hơn 100 ý tưởng, dự án tham gia Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến từ các trường đại học, cao đẳng và phổ thông trung học trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Phân đầu đến năm 2025, có 100 doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến; 50 doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng, áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng; 20 doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và 25 sản phẩm hàng hóa được hỗ trợ áp dụng mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và 500 lượt người được tham gia đào tạo, tập huấn chuyên môn.

- Về xây dựng đội ngũ trí thức và nguồn nhân lực KH&CN: Phân đầu từ nay đến năm 2025, phát triển đội ngũ trí thức của tỉnh đạt trên 42.000 người; số người làm công tác KH&CN đạt 15 người trên 1 vạn dân. Đồng thời, tăng cường đầu tư trang thiết bị, phòng thí nghiệm cho các tổ chức KH&CN, các trường đại học, cao đẳng; các Trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu thực nghiệm nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo của đội ngũ trí thức và KH&CN của tỉnh.

## **II. Các nhiệm vụ chủ yếu**

### **1. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển công nghiệp, doanh nghiệp, doanh nhân**

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Nghị quyết số 52-NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung chuyển giao, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ, phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế của tỉnh.

- Tập trung nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng công nghệ hiện đại để tiến tới hình thành các ngành công nghiệp mới, công nghiệp có công nghệ cao, như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, các ngành tự động hóa; phát triển công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu ứng dụng KH&CN, làm chủ và đưa công nghệ mới, kỹ thuật số vào sản xuất kinh doanh, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng và xác lập quyền



sở hữu công nghiệp, phát triển tài sản trí tuệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao. Cụ thể:

+ Chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

+ Chương trình KH&CN phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

+ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **2. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững ở miền núi**

- Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, hải đảo phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tập trung hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân ứng dụng kỹ thuật số, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; xây dựng, thực hiện các dự án, mô hình nông nghiệp theo chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ nguồn lực và trách nhiệm giữa nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân, khai thác, phát huy mối liên kết bền vững trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa; chú trọng tạo lập và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù mang thương hiệu địa phương.

- Thông qua các nhiệm vụ KH&CN thực hiện xét, tuyển chọn, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng tốt, giá trị kinh tế cao, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Thực hiện có hiệu quả đề án bảo tồn, khai thác, phát triển nguồn gen giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

- Ứng dụng đồng bộ các giải pháp KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là giống và kỹ thuật canh tác, quản lý sâu hại, dịch bệnh, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ giữa nuôi trồng, khai thác với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch từ khâu bảo quản, sơ chế và chế biến các sản phẩm, góp phần giảm thiểu tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch và nâng cao giá trị sản phẩm.

## **3. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị. Lập, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị theo hướng hình thành các trung tâm dữ liệu và đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đô thị để hướng tới phục vụ cho nền công nghiệp 4.0 và xây dựng, phát triển đô thị thông minh.

- Từng bước hoàn thiện hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm tính đáp ứng, tính phù hợp theo tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn quốc gia. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án về xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi,...

- Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, từng bước tiến tới nền kinh tế số, xã hội số.

#### **4. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn**

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN phục vụ công tác quản lý, khai thác tiềm năng, lợi thế về di sản văn hóa và tài nguyên thiên nhiên của các vùng, nhất là đảo Lý Sơn và vùng ven biển trong việc đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Nghiên cứu bảo tồn, phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh trên cơ sở phát huy giá trị di sản văn hóa Sa Huỳnh, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể.

- Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm du lịch và phát triển các sản phẩm du lịch có tiềm năng, lợi thế, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư khai thác du lịch và khẳng định thương hiệu, năng lực cạnh tranh.

- Đa dạng hóa mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch, giải trí. Thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn ở những nơi có điều kiện. Ứng dụng KH&CN phát triển số lượng, chủng loại, nâng cao chất lượng, hiệu quả các sản phẩm du lịch và sự phát triển bền vững du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

- Phối hợp với các tổ chức khoa học và cơ quan liên quan phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025 xây dựng và triển khai thực hiện 2-3 nhiệm vụ KH&CN phục vụ phát triển du lịch.

#### **5. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường**

- Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên bộ trong xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, điểm khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị và khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, nhân rộng các mô hình xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, thủy sản, nước thải sinh

hoạt đô thị; xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường để tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính.

- Nghiên cứu các giải pháp xanh để kết hợp giữa bảo vệ bờ biển với phát triển các khu du lịch ven biển bền vững.

- Nghiên cứu các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm.

## **6. Hoạt động KH&CN phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

- Khảo sát, đánh giá tình hình dịch bệnh trong cộng đồng; áp dụng các phương pháp khoa học, kỹ thuật công nghệ phát hiện sớm, khống chế kịp thời và kiểm soát tốt các loại dịch bệnh.

- Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong y học hiện đại, kỹ thuật công nghệ cao vào chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể lực cho Nhân dân trong tỉnh.

- Quy hoạch nuôi trồng, khai thác, chế biến các vùng dược liệu tại các địa bàn có thể mạnh về đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp với các cây trồng, vật nuôi làm thuốc.

- Điều tra, nghiên cứu, ứng dụng các bài thuốc dân gian, cổ truyền phục vụ khám chữa bệnh trong nhân dân.

## **7. Hoạt động khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**

- Các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tập trung nghiên cứu xác lập, cung cấp các luận cứ khoa học, luận giải cơ sở thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng các chủ trương, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách và kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên cho các nội dung:

- + Thực hiện đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng chính quyền các cấp kiến tạo, phục vụ Nhân dân, tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân chủ động tham gia quá trình chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- + Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp yêu cầu phát triển các ngành, các lĩnh vực, địa phương, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế;

- Nghiên cứu bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống - lịch sử - văn hoá con người Quảng Ngãi; phát triển hài hòa các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, đáp ứng yêu cầu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

### **8. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ**

Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH&CN để từng bước đưa KH&CN trở thành động lực chính của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH&CN của tỉnh đồng bộ cả nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Tùy theo tính cấp bách cần thiết và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình, dự án để phát triển khoa học và công nghệ gửi các cơ quan chuyên môn thẩm định, trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

- Tổ chức tốt Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng hàng năm nhằm phát huy trí tuệ, tinh thần sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng vào khoa học và công nghệ của Nhân dân.

### **9. Xây dựng, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

Triển khai có hiệu quả Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020 - 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 07/01/2020. Cụ thể:

- Đa dạng hóa các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, nâng cao vai trò các trường đại học, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp trong các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tạo bước phát triển mới trong cộng đồng doanh nghiệp của tỉnh.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi để hỗ trợ tư vấn các ý tưởng, dự án và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kết nối và thu hút nhà đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có uy tín ở trong nước hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh, theo hướng phù hợp, khả thi.

- Hỗ trợ các dự án và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo kết nối và sử dụng dịch vụ ở Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh; thu hút cố vấn, chuyên gia, nhà đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có uy tín ở trong nước hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.



- Tăng cường công tác tập huấn khởi nghiệp; đội ngũ tư vấn, cố vấn khởi nghiệp; các hạt giống có ý tưởng khởi nghiệp.
- Vận hành Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi.
- Hàng năm, tổ chức các Hội thi khởi nghiệp và Ngày hội khởi nghiệp theo quy định.
- Triển khai các giải pháp cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo GII tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

### **III. Kinh phí thực hiện**

Từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định.

### **IV. Giải pháp thực hiện**

#### **1. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với khoa học và công nghệ**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao trách nhiệm trong việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và tăng cường trách nhiệm trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ và chỉ đạo triển khai thực hiện các hoạt động chuyển giao ứng dụng, đưa nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ, đưa khoa học, công nghệ vào các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý; đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoa học và công nghệ.

Các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh chú trọng áp dụng khoa học và công nghệ và có kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ vào đổi mới thiết bị, công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, phát triển tài sản trí tuệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

#### **2. Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ**

- Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tăng cường vai trò đầu mối quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu hiện nay, là đầu mối kết nối các

ngành, các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, nông dân với các viện, trường, các nhà khoa học.

- Nâng cao năng lực quản lý khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Mỗi huyện, thị xã, thành phố bố trí ít nhất một công chức chuyên trách theo dõi, tổ chức và phối hợp thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ. Các sở, ban, ngành quyết định phân công lãnh đạo phụ trách hoạt động khoa học và công nghệ của ngành.

- Triển khai cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gắn đặt hàng, triển khai, nhân rộng kết quả nghiên cứu, ứng dụng trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các ngành, địa phương và doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế nhân rộng kết quả đề tài, dự án.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành việc tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện và sau nghiệm thu.

- Chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

### **3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng thông tin khoa học và công nghệ**

- Tăng cường công tác phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức thực thi pháp luật về khoa học và công nghệ của tổ chức, công dân, đặc biệt là trong các lĩnh vực: sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhất là khu vực doanh nghiệp và nông thôn, miền núi.

### **4. Tăng cường đầu tư kinh phí và cơ sở vật chất cho khoa học và công nghệ**

- Bố trí kinh phí chi cho khoa học và công nghệ theo đúng quy định; đồng thời, xây dựng cơ chế thích hợp để huy động các nguồn vốn khác tham gia đầu tư phát triển khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu các điều kiện để hình thành và đưa vào hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và các doanh nghiệp.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo (trung tâm, trại nghiên cứu

thực nghiệm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm, vườn ươm doanh nghiệp đổi mới sáng tạo...). Đầu tư tăng cường tiềm lực và nâng cao năng lực phổ biến, chuyển giao công nghệ của Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh.

- Tập trung đầu tư phát triển một số trung tâm khoa học kỹ thuật chuyên ngành về nông, lâm, thủy sản, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Khuyến khích, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển các tổ chức nghiên cứu triển khai trong doanh nghiệp.

### **5. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ**

- Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, phát triển đồng bộ nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cả về cơ cấu, số lượng, chất lượng đáp ứng giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ theo yêu cầu, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh.

- Tạo môi trường dân chủ, công khai, thuận lợi cho đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ lao động, tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tạo diễn đàn, cơ hội để các nhà khoa học, trí thức được tham gia tư vấn, phản biện những chiến lược, chính sách và các dự án lớn của tỉnh.

- Xây dựng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tại các tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường các hoạt động phối hợp để vừa đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu vừa đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ các mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển, phát huy đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục, xây dựng các nhóm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đồng thời, tăng cường liên kết, hợp tác nghiên cứu với các tổ chức khoa học, các viện nghiên cứu có uy tín để nâng cao năng lực và giải quyết các vấn đề thực tiễn về kinh tế- xã hội của tỉnh.

### **6. Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề tài, dự án hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân nhập khẩu công nghệ tiên tiến, thay thế, đổi mới thiết bị, công nghệ hiện có, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư nghiên cứu ứng dụng, làm chủ và đưa công nghệ mới vào sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức kinh tế chủ động tham gia thực hiện các dự án thuộc các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh: Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực

công nghiệp chế biến; chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; chương trình thúc đẩy năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá; chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi;...

- Tham gia Chương trình phát triển thị trường phát triển khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Nghiên cứu hình thành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và các doanh nghiệp để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, nhân rộng ứng dụng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.

- Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Có chính sách hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp đúng quy định, có hiệu quả.

## **7. Chủ động hợp tác về khoa học và công nghệ**

- Đa dạng hóa đối tác và hình thức hợp tác về khoa học công nghệ giữa tỉnh với các cơ quan khoa học và công nghệ bên ngoài; trước hết là tăng cường sự hợp tác giữa các tổ chức khoa học công nghệ trong tỉnh với các tổ chức, cơ quan khoa học công nghệ ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trong nước.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để thiết lập các kênh hợp tác phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong tỉnh thực hiện hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin khoa học và công nghệ, nghiên cứu, đào tạo, tham gia các chương trình đào tạo, nghiên cứu tại nước ngoài.

## **V. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm và chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ.

- Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề xuất đặt hàng và xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng

khoa học và công nghệ, phục vụ thiết thực các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, biện pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả việc thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất, tham mưu UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 khi sơ kết, tổng kết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện theo quy định.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ban, ngành chủ động, tích cực đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ cấp tỉnh và tiếp nhận, sử dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch ứng dụng khoa học và công nghệ ở địa phương phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ chung của tỉnh và phục vụ thiết thực yêu cầu của địa phương./.